

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ QUẢNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /UBND-LĐTBXH
V/v hướng dẫn xác định Tiêu chí
tỷ lệ lao động làm việc trong các
ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn
xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng
cao giai đoạn
2021-2025

Hà Quảng, ngày tháng 9 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

Thực hiện Quyết định số 867/QĐ - UBND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh phê duyệt các xã có đăng ký phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025; Quyết số 1018/QĐ - UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025; Công văn số 1480/SLĐTBXH-LĐVL ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tỉnh Cao Bằng về việc hướng dẫn xác định Tiêu chí tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

Ủy ban nhân dân huyện hướng dẫn xác định Tiêu chí Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn thuộc Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 - 2025 ban hành kèm theo Quyết số 1018/QĐ - UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của UBND tỉnh như sau:

1. Tiêu chí xác định: Xã được công nhận đạt tiêu chí tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn là xã có số người lao động làm việc trong ngành kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản chia cho tổng số lao động có việc làm trên địa bàn xã **đạt $\leq 70\%$** tại thời điểm đánh giá tiêu chí.

2. Phương pháp và cách tính:

a) Phương pháp:

- Ủy ban nhân dân xã thực hiện rà soát, thống kê số lao động có việc làm trên địa bàn xã chia theo các nhóm ngành kinh tế mà người lao động đang làm việc: Nông, lâm nghiệp và thủy sản; Công nghiệp, xây dựng và Dịch vụ;

- Lao động có việc làm là tất cả những người từ đủ 15 tuổi trở lên, trong thời gian tham chiếu (trong 07 ngày trước ngày thu thập tin) có làm bất cứ việc gì (không bị pháp luật cấm) từ 01 giờ trở lên để tạo ra các sản phẩm hàng hóa hoặc cung cấp các dịch vụ nhằm mục đích tạo thu nhập cho bản thân và gia đình.

- Người có việc làm gồm cả những người không làm việc trong tuần nghiên cứu nhưng đang có một công việc và vẫn gắn bó chặt chẽ với công

việc đó (vẫn được trả lương/công trong thời gian không làm việc hoặc chắc chắn sẽ quay trở lại làm sau thời gian không quá 01 tháng).

Ngoài ra, những trường hợp cụ thể sau đây cũng được coi là người có việc làm:

+ Người làm việc để nhận tiền lương, tiền công hay lợi nhuận nhưng đang tham gia các hoạt động tập huấn, đào tạo hoặc các hoạt động nâng cao kỹ năng do yêu cầu của công việc trong đơn vị;

+ Người học tập, tập sự (kể cả bác sỹ thực tập) làm việc và có nhận được tiền lương, tiền công;

+ Người làm việc trong các hộ/cơ sở kinh tế của chính họ để sản xuất ra các sản phẩm hàng hóa và cung cấp dịch vụ;

+ Sinh viên/học sinh/người nghỉ hưu trong thời kỳ tham chiếu (trong 7 ngày trước ngày thu thập thông tin) có làm một công việc từ 1 giờ trở lên để tạo thu nhập;

+ Người đang tìm kiếm việc làm nhưng trong thời kỳ tham chiếu (trong 7 ngày trước thu thập thông tin) có làm một công việc từ 1 giờ trở lên để tạo thu nhập;

+ Người đăng ký hoặc người nhận bảo hiểm thất nghiệp nhưng trong thời kỳ tham chiếu (trong 7 ngày trước ngày thu thập thông tin) có làm một công việc từ 1 giờ trở lên để tạo thu nhập;

+ Người làm việc vì mục đích tiền công, tiền lương hoặc lợi nhuận nhưng các khoản tiền lương, tiền công và lợi nhuận đó có thể không trả trực tiếp cho họ mà được tích lũy vào thu nhập chung của gia đình họ. Những người này gồm: Người làm việc trong các đơn vị kinh doanh được tổ chức bởi một thành viên gia đình đang sống cùng hộ hoặc khác hộ; người thực hiện các phần việc, nhiệm vụ của một công việc làm công ăn lương hoặc tổ chức bởi một thành viên gia đình đang sống cùng hộ hoặc khác hộ.

- Thời điểm đánh thực hiện rà soát, thống kê: Ủy ban nhân dân xã thực hiện đánh giá trong năm kế hoạch hoàn thành tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

b) Cách tính:

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ lệ lao động làm việc} \\ \text{Trong các ngành kinh tế} \\ \text{Chủ lực trên địa bàn (\%)} \end{array} = \frac{\text{Số lao động làm việc trong ngành} \\ \text{kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản}}{\text{Tổng số lao động có việc làm trên} \\ \text{địa bàn xã}} \times 100$$

3. Hồ sơ đánh giá:

- Danh sách người lao động có việc làm trên địa bàn xã chia theo từng thôn, xóm và chia cho các nhóm ngành kinh tế mà người lao động đang làm việc; Nông, lâm nghiệp và thủy sản; Công nghiệp, xây dựng và Dịch vụ

(Phụ lục 01).

- Biểu tổng hợp Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn xã *(phụ lục 02)*.

Đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có đăng ký phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 triển khai, áp dụng cách tính, đánh giá tỷ lệ lao động làm việc theo hướng dẫn tại Công văn này./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng NN&PTNT;
- Lưu: VT, LĐTĐXH (Lý, Thuận).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Phương

UBND XÃ.....
THÔN (XÓM).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH LAO ĐỘNG LÀM VIỆC TRONG NGÀNH
KINH TẾ CHỦ LỰC TRÊN ĐỊA BÀN**

(Hồ sơ đề nghị xã hoàn thành Nông thôn mới nâng cao)

Thời điểm: Tháng.....năm.....

| TT | Họ và tên | Ngày sinh | Giới tính | Người lao động có việc làm chia theo ngành kinh tế | | | Tình trạng việc làm(Cụ thể công việc đang làm) |
|----|------------------|-----------|-----------|--|-----------------------|---------|--|
| | | | | Nông, lâm nghiệp và thủy sản | Công nghiệp, xây dựng | Dịch vụ | |
| 1 | Hà Thanh Châm | 26/4/2001 | Nữ | x | | | Trồng lúa |
| 2 | Hà Văn Trọng | 16/4/1993 | Nam | | x | | Công nhân Công ty.... |
| 3 | Hoàng Thu Hoài | 10/6/1991 | Nữ | | | x | Công chức VHXX xã |
| 4 | Hoàng Văn Tuấn | 25/8/1982 | Nam | x | | | Nuôi cá |
| 5 | | ... | | | | | |
| | Tổng cộng | | | | | | |

Lưu ý: Người lao động có thời gian làm việc nhiều nhất trong ngành nào thì xác định ngành đó là ngành người lao động tham gia làm việc (đối với trường hợp 01 người lao động làm việc trong nhiều ngành kinh tế: nông, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp, xây dựng; dịch vụ).

**NGƯỜI LẬP
DANH SÁCH**
(Ký, ghi rõ họ và tên)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

BIỂU TỔNG HỢP

Tỷ lệ lao động làm việc trong ngành kinh tế chủ lực
(Đối với Hồ sơ đề nghị xã hoàn thành Nông thôn mới nâng cao)
Thời điểm: Tháng.....năm.....

Yêu cầu của tiêu chí: Xã được công nhận đạt chỉ tiêu tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn là xã có số lao động làm việc trong ngành kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản chia cho tổng số lao động có việc làm trên địa bàn xã **đạt $\leq 70\%$** tại thời điểm đánh giá tiêu chí.

| STT | Tên thôn | Nội dung Tiêu chí Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn | | | | Đánh giá kết quả (đạt/không đạt) | |
|-----|------------------|--|-----------------------------------|-----------------------|------------|----------------------------------|--|
| | | Tổng số lao động có việc làm trên địa bàn | Trong đó, chia theo ngành kinh tế | | | | Tỷ lệ lao động làm việc trong ngành kinh tế nông, lâm nghiệp và thủy sản (%) |
| | | | Nông, lâm nghiệp và thủy sản | Công nghiệp, xây dựng | Dịch vụ | | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 = 2/1*100 | 6 |
| 1 | Thôn A | 193 | 120 | 25 | 48 | 62,17 | |
| 2 | Thôn B | 295 | 200 | 40 | 55 | 67,79 | |
| 3 | Thôn C | 270 | 203 | 35 | 32 | 75,18 | |
| ... | | | | | | | |
| | Tổng cộng | 758 | 523 | 100 | 135 | 68,99 | Đạt |

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ và tên)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ
(Ký tên, đóng dấu)